TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HẢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGH VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/10/2019
(V/v Tranh chấp yêu cầu ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trương Hồng Diễm**
Các hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Nguyễn Văn Tâm
2/. Bà Phạm Thị Nhâm
Thư ký phiên tòa: **Bà Thạch Thị Ngọc Bích** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: **Ông Trần Đăng Khoa,** Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 450/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc "Tranh chấp yêu cầu ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp CC, xã LĐĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Ngh (Phạm Mạnh Ngh), sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp MA, xã MP, huyện CP, tỉnh An Giang

(Chị Th có mặt tại phiên tòa, anh Ngh có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đỗ Thị Th và bị đơn anh Phạm Văn Ngh thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh chị đi đến hôn nhân do quen biết, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới hỏi theo phong tục tại địa phương vào năm 1990, nhưng đến nay anh chị vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn: Chị Th và anh Ngh cùng thống nhất xác định: Trong quá trình chung sống giữa anh chị không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2003, nay anh chị nhận thấy vợ chồng không còn khả năng tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh Ngh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Th.

Về quan hệ con chung: Chị Th và anh Ngh thống nhất xác định trong thời gian chung sống anh chị có với nhau 02 người con chung tên Phạm Thanh H, sinh ngày 25/8/1990 và Phạm Minh T, sinh ngày 30/8/1999, hiện người 02 con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân, nên khi ly hôn anh chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh Ngh thống nhất xác định trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung cũng như không có nợ ai và cũng không ai nợ anh chị, khi ly hôn anh chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Tại phiên tòa sơ thẩm chị Th xác định chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh Ngh, chị xác định không còn tài liệu, chứng cứ để cung cấp thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chị Th và anh Ngh chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh Ngh.

Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Th và anh Ngh không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình thì chị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Th có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh Ngh. Anh Ngh có địa chỉ cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, tuy nhiên chị Th và anh Ngh có văn bản thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân

huyện Đông Hải là nơi giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Th và anh Ngh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông Hải.

Anh Ngh có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Ngh.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Th và anh Ngh chung sống với nhau vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, đến nay thì anh chị đã có con chung, nhưng vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy việc không đi đăng ký kết hôn giữa chị Th và anh Ngh là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, Ngh vụ giữa vợ và chồng…"

Do đó theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa chị Th và anh Ngh không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị Th xin ly hôn với anh Ngh thì Hội đồng xét xử không giải quyết cho chị Th và anh Ngh ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh Ngh là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Th và anh Ngh thống nhất xác định trong thời gian chung sống anh chị có với nhau 02 người con chung tên Phạm Thanh H, sinh ngày 25/8/1990 và Phạm Minh T, sinh ngày 30/8/1999, hiện người 02 con đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân, nên khi ly hôn anh chị không đặt ra yêu cầu xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh Ngh thống nhất xác định trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung cũng như không có nợ ai và cũng không ai nợ anh chị, khi ly hôn anh chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Đỗ Thị Th và anh Phạm Văn Ngh (Phạm Mạnh Ngh) là vợ chồng.

2/. Về con chung: Chị Đỗ Thị Th và anh Phạm Văn Ngh (Phạm Mạnh Ngh) thống nhất xác định các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân, nên khi ly hôn chị Th và anh Ngh không đặt ra yêu cầu xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đỗ Thị Th và anh Phạm Văn Ngh (Phạm Mạnh Ngh) thống nhất xác định trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung cũng như không có nợ ai và cũng không ai nợ anh chị, khi ly hôn anh chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003988 ngày 04 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Đỗ Thị Th biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Anh Phạm Văn Ngh (Phạm Mạnh Ngh) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Trương Hồng Diễm